

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 – 01 - 2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài

2. Ông Nguyễn Phước Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Th Tướng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2020/TL.ST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị Bé L; Địa chỉ: ấp 3A, thị trấn Bảy Ng, huyện Châu Th, tỉnh H. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ Th; Địa chỉ cư trú: ấp 3A, thị trấn Bảy Ng, huyện Châu Th, tỉnh H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn xin ly hôn ngày 02/11/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Thái Thị Bé L trình bày: Trước đây, chị và anh Nguyễn Vũ Th được người quen mai mối, sau một thời gian tìm hiểu chị và anh Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Th (nay là thị trấn Bảy Ng, huyện Châu Th, tỉnh H) vào ngày 29/5/2009.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung, anh Th cũng không quan tâm chăm sóc gia đình, cuộc sống hôn nhân của anh chị thường xuyên xảy ra xung đột giữa vợ chồng ngày càng nhiều, khiến chị vô cùng mệt mỏi và mong muốn chấm dứt cuộc hôn nhân này.

Đến nay, chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Nhã Ph (nữ), sinh ngày 10/10/2009 và Nguyễn Tuấn Kh (nam), sinh ngày: 14/10/2014. Hiện cả hai con chung đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu Ph và Kh đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Vũ Th vắng mặt nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Thái Thị Bé L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Vũ Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh Th.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thái Thị Bé L được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Th; Về con chung: Hiện cả hai cháu Ph và Kh đang chung sống với chị Lan, được chị L chăm sóc nuôi dưỡng tốt, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Nhã Ph (nữ), sinh ngày 10/10/2009 và Nguyễn Tuấn Kh (nam), sinh ngày: 14/10/2014 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi, chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên anh Th chưa có nghĩa vụ phải cấp dưỡng; Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Th không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Thái Thị Bé L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Th và yêu cầu được tiếp tục nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tiến hành mời bị đơn anh Nguyễn Vũ Th lên để tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Th, tuy nhiên anh Th không có mặt nên Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Th vắng mặt, không lý do. Tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Th tham dự phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Thái Thị Bé L và anh Nguyễn Vũ Th xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Châu Th (nay là thị trấn Bảy Ng, huyện Châu Th, tỉnh H) vào năm 2009. Quá trình chung sống giữa chị L và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Th. Phía bị đơn anh Th vắng mặt nên không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh Th nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong giáo dục con chung, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, anh Th không quan tâm chăm sóc chị và các con. Chị cũng đã nhiều lần góp ý mong muốn anh Th thay đổi để cố gắng vun đắp cho hạnh phúc gia đình thế nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Điều này khiến cuộc sống hôn nhân của anh chị thường xuyên xảy ra xung đột, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, khiến chị L mệt mỏi và mong muốn chấm dứt cuộc hôn nhân với anh Th. Về phía anh Th, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị L nhưng vẫn vắng mặt, không lý do. Cho thấy, anh Th không tôn trọng cuộc sống hôn nhân này.

Nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án, chị L đã được Tòa án phân tích, động viên nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị Lan, tuy nhiên phía chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Th và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh Th. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L xin ly hôn với anh Th là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Thái Thị Bé L được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Thanh.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Thị Nhã Ph (nữ), sinh ngày 10/10/2009 và Nguyễn Tuấn Kh (nam), sinh ngày: 14/10/2014 của chị Lan, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L xác định, cháu Ph và cháu Kh hiện

vẫn đang sống chung với chị, được chị chăm sóc nuôi dưỡng tốt. Về điều kiện kinh tế: chị L có chỗ ở, công việc làm và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đến khi trưởng thành, do đó để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, ổn định cuộc sống hiện tại của cháu Ph và cháu Kh. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Nguyễn Thị Nhã Ph (nữ), sinh ngày 10/10/2009 và Nguyễn Tuấn Kh (nam), sinh ngày: 14/10/2014 cho chị Thái Thị Bé L tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Vũ Th không ai được quyền cản trở.

[6] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[8] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thái Thị Bé L phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Thị Bé L.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thái Thị Bé L được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Th.

4. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Nhã Ph (nữ), sinh ngày 10/10/2009 và Nguyễn Tuấn Kh (nam), sinh ngày: 14/10/2014 cho chị Thái Thị Bé L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

5. Về cấp dưỡng: chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Th chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Vũ Th không ai được quyền cản trở.

6. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

7. Về nợ chung: Chị Thái Thị Bé L xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

8. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thái Thị Bé L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005683 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Chị L đã nộp xong.

9. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương